

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ KON TUM  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 5 - 2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.*

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chế Thị Mai và ông Trương Quang Ngọc.

*Thư ký phiên Tòa: Bà Rô Lan Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.*

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài – Kiểm sát viên.*

Ngày 18 tháng 5 năm 2029, tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 535/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị X, sinh năm 1984. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Cao Văn C, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì chị chị Huỳnh Thị X trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị X và anh Cao Văn Cg tự nguyện kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/6/2008. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì anh C thường xuyên bài bạc, số đề, chị có nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh C vẫn không thay đổi, bên cạnh đó thì vợ chồng lấy nhau lâu mà chưa có con nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm danh dự và đánh nhau. Mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng từ năm 2018, anh C đã bỏ nhà đi không còn chung sống với chị từ đó cho đến nay, anh, chị chỉ liên lạc qua điện thoại, không quan tâm, chăm sóc nhau, việc ai người ấy làm. Chị nghe nói, anh C đã có người phụ nữ khác. Khi chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị

có gọi điện cho anh C nhưng anh C nói yêu cầu Tòa án giải quyết đơn phương chứ anh không về. Nay tình cảm chị dành cho anh C thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Chị Huỳnh Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Văn C.

Về con chung: Chị và anh C không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí DSST chị nhận chịu.

*Bị đơn:* Anh Cao Văn C đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của đương sự và vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị X. Chị X được ly hôn với anh C. Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Về con chung không có nên không đề cập đến; Về tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Án phí dân sự sơ thẩm chị X phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Cao Văn C đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Cao Văn C.

[2] *Về nội dung vụ án:*

\* **Quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị X và anh Cao Văn C là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C chơi bời, sống với nhau lâu mà không có con nên vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau; Mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2017 anh C đã bỏ nhà đi, vợ chồng không còn sống chung từ đó đến nay, không chăm sóc nhau, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị X yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh C. Anh C biết được việc chị X xin ly hôn với anh nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị X, cố

tình vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết và anh C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh của mình. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị X, anh C không còn có sự tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, không cùng sống chung, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Như vậy, vợ chồng chị X, anh C đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị X, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C là có căn cứ cần được chấp nhận.

\* *Về con chung*: Nguyên đơn khai không có nên không xem xét giải quyết.

\* *Về tài sản và nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Huỳnh Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị X đề ngày 14 tháng 11 năm 2019.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị X được ly hôn với anh Cao Văn C;
2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản, nợ nần: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

\* *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Huỳnh Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị X đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0002021 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm;

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18 tháng 5 năm 2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon

Tum đề xin xét xử phúc thẩm; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- *TAND cấp cao;*
- *TAND Tỉnh K;*
- *VKSND TP K;*
- *Chi cục THADS TP K;*
- *UBND phường T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ,*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

***Vũ Thị Hồng Dung***